

KHÁI NIỆM VÀ TIÊU CHÍ LỰA CHỌN CHUYÊN GIA KH&CN CHO CSDL KH&CN QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

TS LÊ XUÂN ĐỊNH, TS PHAN HUY QUẾ

Cục Thông tin KH&CN Quốc gia

Bài viết giới thiệu những kết quả ban đầu của nội dung nghiên cứu thuộc đề tài cấp nhà nước KX06.02/11-15 “Nghiên cứu xây dựng khung và hệ tiêu chí phát triển cơ sở dữ liệu (CSDL) khoa học và công nghệ (KH&CN) quốc tế cho hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN của Việt Nam”. Đó cũng là những quan điểm của các tác giả về khái niệm chuyên gia và tiêu chí lựa chọn chuyên gia cho CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam, nhằm xây dựng CSDL KH&CN quốc tế nói chung và CSDL chuyên gia KH&CN của Việt Nam nói riêng.

Mở đầu

Đề tài KH&CN cấp nhà nước “Nghiên cứu xây dựng khung và hệ tiêu chí phát triển CSDL KH&CN quốc tế cho hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN của Việt Nam”, mã số KX06.02/11-15, do Cục Thông tin KH&CN Quốc gia chủ trì thuộc Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 mã số KX06/11-15 “Nghiên cứu và phát triển hội nhập quốc tế về KH&CN”. Đề tài có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất khung cấu trúc và tiêu chí dữ liệu của 4 CSDL cấu thành CSDL KH&CN quốc tế của Việt Nam (sau đây gọi là CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam): CSDL tổ chức KH&CN; CSDL chuyên gia KH&CN; CSDL chương trình, dự án KH&CN quốc tế và CSDL công nghệ chủ chốt. Một trong những nội dung nghiên cứu đối với mỗi CSDL thành phần nêu trên là xác định rõ khái niệm và các tiêu chí lựa chọn đối tượng quản lý của CSDL. Trong số đối tượng của các CSDL này, đối tượng *chuyên gia KH&CN* có nhiều cách định nghĩa dẫn đến các tiêu chí lựa chọn

khác nhau. Đây là một trở ngại lớn cho những người thực hiện đề tài KX06.02/11-15 trong quá trình nghiên cứu tài liệu, khảo sát một số CSDL về chuyên gia KH&CN trong và ngoài nước để lựa chọn khái niệm và tiêu chí thống nhất, phù hợp cho đối tượng chuyên gia KH&CN của CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam.

Trong khuôn khổ giới hạn của bài viết trên Tạp chí, chúng tôi chỉ trình bày một số thông tin cơ bản về vấn đề xác định khái niệm và tiêu chí lựa chọn chuyên gia KH&CN cho CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam - một trong những kết quả bước đầu của nội dung nghiên cứu nêu trên.

Các khái niệm liên quan

Trong quá trình nghiên cứu tài liệu, chúng tôi thấy cần làm rõ các khái niệm sau đây để có cơ sở xác định khái niệm và tiêu chí lựa chọn chuyên gia cho CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam.

Chuyên gia là khái niệm được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khoa học, phổ biến trong khoa học quản

lý. Có những định nghĩa khác nhau về chuyên gia do cách tiếp cận khác nhau. Theo cách hiểu thông thường, chuyên gia dùng để chỉ người có chuyên môn, được đào tạo để hành nghề một cách có chuyên môn. Trong Đại Từ điển tiếng Việt, chuyên gia được định nghĩa là “người đi sâu nghiên cứu một lĩnh vực chuyên môn nào đó và đã có hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực chuyên môn đó” [3]. Khái niệm chuyên gia trong Từ điển Bách khoa Việt Nam được giải thích “chuyên gia là người tinh thông một ngành chuyên môn khoa học, kỹ thuật” [2]. Từ điển tiếng Anh Longman English Dictionary giải thích thuật ngữ chuyên gia (expert) là: “người có kiến thức hoặc kỹ năng đặc biệt về một lĩnh vực, nhờ kết quả đào tạo hoặc kinh nghiệm (someone who has a special skill or special knowledge of a subject, gained as a result of training or experience)” [9]. Như vậy, các tài liệu nêu trên đều tiếp cận khái niệm chuyên gia về phương diện nghề nghiệp. Theo đó, chuyên gia là những người có kiến thức và kỹ năng xuất sắc về một lĩnh

vực chuyên môn, những người vừa được coi là “thợ lành nghề”, vừa được coi là những người thầy có khả năng đào tạo đội ngũ kế tục để duy trì và phát triển nghề nghiệp tới đỉnh cao.

Tuy nhiên, cũng có quan điểm tiếp cận khác về khái niệm chuyên gia. Trong tài liệu “Xây dựng đội ngũ chuyên gia và sử dụng chuyên gia”, GS Hoàng Chí Bảo¹ cho rằng, cần tiếp cận khái niệm chuyên gia theo một nghĩa hẹp hơn, gắn chặt với quan điểm về nhân tài và sự chọn lọc tinh hoa. Theo đó, chuyên gia “phải là những người ưu tú nhất, nổi trội nhất, kết tinh tài năng sáng tạo của cộng đồng và xã hội, nảy sinh trong xã hội, qua chọn lọc và phân hoá mà trở thành đại biểu sáng giá nhất, tiêu biểu cho cộng đồng, cho hoạt động và đời sống của cộng đồng trên từng lĩnh vực nhất định”. Theo quan điểm này, ngoài phương diện nghề nghiệp, còn phải tiếp cận khái niệm chuyên gia về phương diện trí tuệ, đạo đức và nhân cách [5]. Quan điểm tiếp cận này có nhiều nét tương đồng với quan điểm tiếp cận khái niệm *nhân tài* sẽ được trình bày sau đây.

Liên quan đến khái niệm chuyên gia là khái niệm *nhân tài*. Nói tới *nhân tài*, người ta thường nghĩ tới những bậc học cao biết rộng, đỗ đạt thành danh, là những người có trình độ học vấn cao, uyên bác ở nhiều lĩnh vực và có trường hợp là những nhà bác học lỗi lạc.

Đại Từ điển tiếng Việt giải thích “Nhân tài là người có tài”. Từ điển Hán - Việt thì giải thích rõ hơn “Nhân tài là người có tài năng, có thể đảm đương việc lớn” [3, 4]. GS Vũ Hy Chương² trong báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài KH&CN cấp nhà nước, mã số KX09.08 “Phát triển khoa học và trọng dụng nhân tài Thăng Long - Hà Nội” thì cho rằng: *nhân tài*,



Bộ KH&CN gặp gỡ các chuyên gia Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF)

ngoài những bậc học cao biết rộng, đỗ đạt thành danh, còn là những người có tay nghề tinh thông kết hợp với trí thông minh và óc sáng tạo, tuy rằng họ có thể không được học cao và không có học vị. Ngoài ra, nhân tài còn là những người có năng lực đặc biệt ít thấy ở người bình thường, có thể giúp họ làm nên những công tích nổi bật hơn người [6]. Xét về nội hàm, khái niệm nhân tài của GS Vũ Hy Chương bao gồm khái niệm chuyên gia trong các Từ điển ngôn ngữ và khái niệm chuyên gia của GS Hoàng Chí Bảo.

GS Dave Ulrich (Đại học Michigan, Mỹ) tại Hội thảo “Tư duy lại nhân lực và nhân tài” (Rethinking HR & Talent) do Trường Doanh nhân PACE tổ chức ngày 29.9.2011 tại Tp. Hồ Chí Minh, định nghĩa nhân tài bằng “Lý thuyết nhân tài 3C”: Nhân tài = Năng lực*Cam kết*Cống hiến (Talent = Competence*Commitment*Contribution). Lý thuyết này được ông xây dựng sau khi khảo sát, nghiên cứu hàng nghìn doanh nghiệp, trong đó có hơn một nửa số công ty trong danh sách Fortune 500; phỏng vấn hơn 40.000 nhân sự được coi là “người

tài” trên khắp thế giới. Theo đó, *competence* (năng lực) là kiến thức, giá trị phù hợp với công việc của hôm nay và nhất là trong tương lai. Năng lực liên quan tới 3 “đúng”: kỹ năng đúng, vị trí đúng và công việc đúng; *commitment* (cam kết) là sẵn sàng đóng góp hết mình cho sự thành công của cộng đồng. Trên thực tế, có những người rất giỏi, thông minh, thạo việc nhưng do không chịu làm hoặc làm không hết mình nên rút cục họ không tạo ra giá trị, đóng góp gì cho cộng đồng; *contribution* (cống hiến) là phải ý thức được ý nghĩa và mục đích của công việc mình làm, thậm chí, còn cần có được sự “thăng hoa”, sự “viên mãn” trong cuộc sống và công việc. Điều thú vị là trong “phương trình 3C” ở trên, 3 biến được kết nối với nhau theo số nhân (*), chứ không phải số cộng (+). Nghĩa là, nếu một biến nào đó bị mất đi, 2 biến còn lại sẽ không thể thay thế được. Chẳng hạn, người có năng lực kém sẽ không bao giờ là “nhân tài” kể cả khi anh ta có sự cống hiến và hết mình, và ngược lại [10]. Về nội hàm, cách tiếp cận khái niệm nhân tài của Dave Ulrich có nhiều điểm tương tự với cách tiếp cận khái niệm chuyên gia của GS

Hoàng Chí Bảo.

Điểm qua một vài cách tiếp cận trên để thấy có những cách hiểu khác nhau về chuyên gia và nhân tài. Theo cách hiểu thông thường cũng như trong các Từ điển ngôn ngữ thì *chuyên gia* chỉ đơn thuần là người tinh thông về một lĩnh vực chuyên môn nào đó, còn *nhân tài* chỉ đơn giản là người có tài (có thể trong một hoặc nhiều lĩnh vực chuyên môn). GS Hoàng Chí Bảo thì lại có cách giải thích khái niệm *chuyên gia* tương tự khái niệm *nhân tài* của GS Vũ Hy Chương và Dave Ulrich. Tuy nhiên, theo khái niệm *nhân tài* của GS Vũ Hy Chương thì ngoài những bậc học cao biết rộng, đỗ đạt thành danh, *nhân tài* còn là những người có tay nghề tinh thông kết hợp với trí thông minh và óc sáng tạo, tuy rằng họ có thể không được học cao và không có học vị. Trong trường hợp này, nhân tài chỉ là chuyên gia theo cách hiểu thông thường. Trên cơ sở nghiên cứu mục đích và nội dung các tài liệu hàm chứa các khái niệm chuyên gia và nhân tài của các tác giả nêu trên, chúng tôi cho rằng: nguyên nhân chủ yếu của những cách hiểu khác nhau về khái niệm chuyên gia và nhân tài là do quan điểm tiếp cận khác nhau của các tác giả. Tiêu biểu là quan điểm tiếp cận của GS Hoàng Chí Bảo và GS Vũ Hy Chương. Trong tài liệu “Xây dựng đội ngũ chuyên gia và sử dụng chuyên gia”, GS Hoàng Chí Bảo tiếp cận khái niệm chuyên gia từ góc độ của một nhà chính trị, với quan niệm chuyên gia là bộ phận tinh hoa nhất của đội ngũ trí thức. Vì vậy, nội hàm khái niệm chuyên gia tương tự với nội hàm khái niệm nhân tài theo quan niệm thông thường. Ngược lại, GS Vũ Hy Chương tiếp cận khái niệm nhân tài từ góc độ rộng hơn nên nội hàm khái niệm nhân tài bao gồm cả khía cạnh chuyên gia thông thường.

Trong lĩnh vực hoạt động KH&CN, liên quan đến khái niệm chuyên gia và nhân tài còn có khái niệm *cá nhân hoạt động KH&CN*. Đây là khái niệm được đưa ra trong Luật KH&CN năm 2000, sửa đổi năm 2013 (sau đây gọi là Luật KH&CN 2013). Theo đó, cá nhân hoạt động KH&CN “là người thực hiện hoạt động KH&CN” [1]. Khái niệm cá nhân hoạt động KH&CN trong nhiều trường hợp được sử dụng với nội hàm tương tự khái niệm *nhân lực KH&CN*. Xét theo lý thuyết tập hợp trong toán học thì cá nhân hoạt động KH&CN thuộc tập hợp nhân lực KH&CN và mối quan hệ giữa các khái niệm: nhân lực KH&CN, chuyên gia và nhân tài là mối quan hệ bao hàm, thể hiện theo công thức toán học như sau: Nhân lực KH&CN $\supseteq$ Chuyên gia $\supseteq$ Nhân tài. Trong ba tập hợp trên, nhân lực KH&CN không phải là đối tượng của CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam. Tập hợp chuyên gia có hai cách hiểu: thứ nhất, theo cách hiểu thông thường, chuyên gia là những người có kiến thức và kỹ năng xuất sắc về một lĩnh vực chuyên môn; thứ hai, chuyên gia được hiểu theo nội hàm khái niệm nhân tài. Vấn đề đặt ra là: *đối tượng chuyên gia của CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam là chuyên gia theo cách hiểu thông thường hay theo cách hiểu chuyên gia là nhân tài?*

Như đã trình bày ở phần trên, có những cách hiểu khác nhau về chuyên gia và nhân tài là do quan điểm tiếp cận khác nhau. Vì vậy, việc xác định đối tượng chuyên gia để đưa vào CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam cần dựa trên quan điểm tiếp cận thống nhất là căn cứ vào mục đích xây dựng CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam nói chung và CSDL chuyên gia KH&CN nói riêng. Mục đích xây dựng CSDL KH&CN quốc tế là nhằm thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH&CN của

các nhà khoa học Việt Nam và mục đích xây dựng CSDL chuyên gia KH&CN là: thứ nhất, tạo điều kiện cho các nhà quản lý KH&CN cũng như cá nhân hoạt động KH&CN Việt Nam tiếp cận, kết nối với các nhà khoa học quốc tế để hợp tác nghiên cứu, tư vấn, trao đổi kinh nghiệm...; thứ hai, giới thiệu các nhà khoa học Việt Nam với quốc tế để họ nhanh chóng hòa nhập vào các hoạt động của cộng đồng khoa học quốc tế. Trong giai đoạn trước mắt ưu tiên thực hiện mục đích thứ nhất. Trước yêu cầu hội nhập quốc tế về KH&CN sâu rộng như hiện nay, hoạt động hợp tác giữa các nhà khoa học nước ta với các nhà khoa học nước ngoài không chỉ đòi hỏi phát triển theo chiều rộng ở mọi lĩnh vực khoa học mà còn đòi hỏi phát triển theo chiều sâu, tức là hợp tác giải quyết những vấn đề, những nhiệm vụ KH&CN cụ thể. Do đó, đối tác nước ngoài mà các nhà khoa học Việt Nam cần tiếp cận, kết nối và hợp tác trong giai đoạn này trước hết là những người nghiên cứu sâu một lĩnh vực chuyên môn nào đó và đã có hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực chuyên môn đó, tức là các chuyên gia theo cách hiểu thông thường. Mặc dù chúng ta cũng rất cần hợp tác với các nhân tài quốc tế, nhưng để xác định và chọn lựa các đối tượng này hiện nay là việc khó và cũng chưa phải là việc cần làm ngay đối với CSDL chuyên gia KH&CN. Hơn nữa, khi chọn chuyên gia trong tập hợp “Nhân lực KH&CN $\supseteq$ Chuyên gia $\supseteq$ Nhân tài”, hoàn toàn có thể có nhân tài trong số các chuyên gia được chọn và chỉ cần bổ sung một vài tiêu chí dữ liệu đối với chuyên gia là có thể xác định được.

Tiêu chí lựa chọn chuyên gia của một số CSDL

Nội hàm khái niệm chuyên gia mới chỉ thể hiện thông tin chung

nhất về tiêu chí đối với một chuyên gia KH&CN. Vì vậy, một số CSDL về chuyên gia thường đặt ra các tiêu chí về chuyên gia tùy thuộc vào mục đích xây dựng CSDL để việc chọn lựa chuyên gia đưa vào CSDL được chính xác, thuận lợi. Dưới đây là thông tin về tiêu chí lựa chọn chuyên gia của một số CSDL chuyên gia trong và ngoài nước.

CSDL chuyên gia KH&CN của Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ (Bộ KH&CN): mục đích xây dựng CSDL này là hỗ trợ Bộ KH&CN trong việc tìm kiếm các chuyên gia tham gia các hội đồng đánh giá các hoạt động KH&CN và tổ chức KH&CN. Chính vì vậy, tiêu chí lựa chọn chuyên gia là những người có bằng tiến sĩ trở lên và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu liên tục trong lĩnh vực chuyên môn đến thời điểm được đề nghị đưa vào CSDL chuyên gia KH&CN... Tiêu chuẩn để đánh giá nhà khoa học xuất sắc nhất căn cứ vào: kinh nghiệm nghiên cứu; kết quả nghiên cứu qua bài báo khoa học đã được công bố; báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia, quốc tế; số lượng các bằng sáng chế, bằng giải pháp hữu ích nhà khoa học được cấp; sách chuyên khảo; chương trình, đề tài, dự án, đề án KH&CN đã được nghiệm thu; hướng dẫn nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

CSDL chuyên gia KH&CN của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia: mục đích xây dựng CSDL là nhằm tuyển chọn chuyên gia tham gia các hội đồng khoa học do Quỹ thành lập, phân biện các đề cương nghiên cứu khoa học và tư vấn cho Quỹ. Tiêu chí lựa chọn chuyên gia là những người có học vị tiến sĩ hoặc chức danh phó giáo sư trở lên, có kinh nghiệm và thành tích nghiên cứu xuất sắc trong 5 năm



Bộ KH&CN làm việc với GS Ngô Bảo Châu về phát triển toán học Việt Nam

gần nhất thể hiện qua kết quả: chủ trì hoặc tham gia các đề tài, dự án trong nước hoặc quốc tế; các công trình khoa học đã công bố thuộc lĩnh vực chuyên môn; kết quả nghiên cứu (tạp chí khoa học chuyên ngành, sách chuyên khảo) thuộc lĩnh vực chuyên môn được đăng ký hoặc công bố quốc tế và trong nước; kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn được áp dụng trong thực tiễn; giải thưởng KH&CN.

CSDL CORDIS: là CSDL do Liên minh châu Âu (EU) xây dựng nhằm mục đích lựa chọn các chuyên gia hỗ trợ đánh giá các đề xuất dự án thuộc nhiều lĩnh vực mục tiêu của Chương trình khung số 7 (Framework Programme 7-FP7), giám sát các dự án được triển khai và các mục đích khác cần tới chuyên môn sâu của các chuyên gia (ví dụ: giám sát triển khai đánh giá tác động của các chương trình nghiên cứu cũng như các chính sách liên quan). Tiêu chí chủ yếu để lựa chọn chuyên gia là lĩnh vực nghiên cứu, kinh nghiệm và thành tích nghiên cứu, đặc biệt là tham gia thực hiện cũng như đánh giá triển khai các dự án thuộc Chương trình nghiên cứu khung của châu

Âu FP6, FP7 và các chương trình, dự án quốc tế khác của Ủy ban châu Âu [7].

CSDL các nhà nghiên cứu khoa học hàng đầu Malaysia (TRSM - Top Research Scientists Malaysia): mục đích xây dựng CSDL là nhằm vinh danh các nhà khoa học hàng đầu của Malaysia, đồng thời giúp cộng đồng KH&CN quốc tế trong quá trình tìm kiếm đối tác nghiên cứu từ Malaysia. Tiêu chí chủ yếu để lựa chọn các nhà khoa học là kinh nghiệm và thành tích nghiên cứu của họ thông qua hoạt động tham gia các chương trình, dự án trong và ngoài nước; các công bố quốc tế và trong nước; số lượng bằng sáng chế và giải pháp hữu ích được cấp; giải thưởng khoa học trong nước và quốc tế...[8].

Nhìn chung, qua tiêu chí lựa chọn chuyên gia của một số CSDL trong và ngoài nước có thể thấy: mặc dù mục tiêu xây dựng CSDL có thể khác nhau, nhưng tiêu chí chung trong việc lựa chọn chuyên gia của các CSDL nêu trên là nhà khoa học có kinh nghiệm và kết quả (thành tích) nhất định trong lĩnh vực chuyên môn của họ.

Tiêu chí lựa chọn chuyên gia của CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam

Xuất phát từ mục đích xây dựng CSDL KH&CN quốc tế nói chung và CSDL chuyên gia KH&CN nói riêng, trên cơ sở tham khảo tiêu chí lựa chọn chuyên gia của một số CSDL trong và ngoài nước, chúng tôi đề xuất một số tiêu chí chủ yếu về lựa chọn chuyên gia cho CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam như sau:

Năng lực: năng lực ở đây được hiểu là năng lực chuyên môn của chuyên gia, là khả năng của chuyên gia trong việc thực hiện hoặc tư vấn thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn của họ. Tiêu chí về năng lực được chọn lọc và đánh giá bằng các thông tin cơ bản như: lĩnh vực chuyên môn được đào tạo, nơi đào tạo, học vị, học hàm, quá trình thăng tiến trong công việc...

Kinh nghiệm: tiêu chí này phản ánh mức độ hiểu sâu, hiểu đến mức tinh thông lĩnh vực chuyên môn của chuyên gia, được chọn lọc và đánh giá bằng các thông tin cơ bản như: quá trình (thời gian và địa điểm) hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn của chuyên gia; các nhiệm vụ nổi bật thuộc lĩnh vực chuyên môn được chuyên gia thực hiện...

Thành tích: tiêu chí này phản ánh kết quả hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn của chuyên gia, là kết tinh của biểu hiện năng lực và kinh nghiệm, được chọn lọc và đánh giá bằng các thông tin cơ bản như: số lượng đề tài, dự án trong nước hoặc quốc tế mà chuyên gia chủ trì hoặc tham gia; số lượng công trình khoa học đã công bố thuộc lĩnh vực chuyên môn; kết quả nghiên cứu (tạp chí khoa học chuyên ngành, sách chuyên khảo) thuộc lĩnh vực chuyên môn được đăng ký hoặc công bố quốc

tế và trong nước; kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn được áp dụng trong thực tiễn; giải thưởng KH&CN...

Ba tiêu chí trên có mối liên quan mật thiết với nhau và có thể có những thông tin giao thoa. Thông tin về năng lực trong một số trường hợp cũng phản ánh bề dày kinh nghiệm của chuyên gia và ngược lại. Trong khi đó, phần lớn thành tích (kết quả) hoạt động khoa học của chuyên gia là hệ quả tất yếu của năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu.

Khả năng hợp tác: tiêu chí này hàm ý ưu tiên lựa chọn các chuyên gia có mối quan hệ cá nhân hoặc đến từ các tổ chức, quốc gia có quan hệ mật thiết về ngoại giao nói chung và quan hệ hợp tác KH&CN với Việt Nam nói riêng. Mục đích là giúp các nhà khoa học nước ta có nền tảng thuận lợi ban đầu khi kết nối với các nhà khoa học quốc tế. Tuy nhiên, tiêu chí này sẽ chỉ được áp dụng ở giai đoạn đầu của quá trình xây dựng và khai thác CSDL, cho đến khi các nhà khoa học Việt Nam có đủ năng lực, bản lĩnh và kinh nghiệm hợp tác với các đối tác quốc tế.

Thay lời kết

Trên đây là những thông tin trình bày quan điểm của chúng tôi về khái niệm chuyên gia và tiêu chí lựa chọn chuyên gia cho CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam. Để kết thúc bài viết, xin mượn lời của học giả Thân Nhân Trung, danh sỹ đời Lê Thánh Tông: “Hiển tài là nguyên khí quốc gia. Nguyên khí vững thì thế nước mạnh và thịnh. Nguyên khí kém thì thế nước yếu và suy. Bồi đắp nguyên khí là công việc quan trọng hàng đầu”. Như vậy, nhiệm vụ nâng cao năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu và phát triển của đội ngũ chuyên gia KH&CN nước ta bằng cách kết nối

họ với cộng đồng KH&CN quốc tế qua CSDL KH&CN quốc tế Việt Nam cũng là công việc quan trọng hàng đầu trong số các nhiệm vụ góp phần bồi đắp nguyên khí quốc gia hiện nay ■

Tài liệu tham khảo và chú thích

[1] Luật KH&CN 2000 (sửa đổi năm 2013).

[2] Từ điển Bách khoa Việt Nam/Hội đồng Quốc gia chủ trì biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam. H: NXB Từ điển Bách khoa, 2002, T.2 (từ E-M) + T.3 (từ N-S).

[3] Đại Từ điển tiếng Việt/Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam. H: NXB Văn hóa - Thông tin, 1999.

[4] Từ điển Hán - Việt hiện đại/Phan Ngọc Hạnh, Lý Chính, Nguyễn Hữu Cầu; Ch.b. Nguyễn Kim Thân. Tp Hồ Chí Minh: NXB Thế giới, 1994 - XVI, 1744 tr.

[5] Hoàng Chí Bảo/Xây dựng đội ngũ chuyên gia và sử dụng chuyên gia. Tạp chí Phát triển nhân lực/Trường cán bộ Tp. Hồ Chí Minh, số 3 (24)/2011, tr.22-27.

[6] Vũ Hy Chương/Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài KH&CN cấp nhà nước mã số KX09.08 “Phát triển khoa học và trọng dụng nhân tài Thăng Long - Hà Nội”.

[7] Lê Xuân Định/Khung cấu trúc và tiêu chí dữ liệu CSDL chuyên gia KH&CN quốc tế. Báo cáo tham luận tại Hội thảo chuyên đề nội dung 2 thuộc đề tài KH&CN cấp nhà nước mã số KX06.02/11-15, ngày 28.8.2013.

[8] Nguyễn Minh Hoàng/Nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn trong vận dụng cơ chế để tạo lập các nguồn lực trong xây dựng CSDL KH&CN quốc tế của Malaysia. Báo cáo tổng kết chuyên đề nghiên cứu thuộc đề tài KH&CN cấp nhà nước mã số KX06.02/11-15.

[9] Longman dictionary of the English language - Harlow: Longman, 1991-XXVIII, 1876 tr.

[10] <http://www.vnu.edu.vn/btdhqghn/?C2135/N12538/Tao-dieu-kien-de-nhan-tai-phat-trien-va-phuc-vu-dat-nuoc.htm>

¹ GS Hoàng Chí Bảo là chuyên gia cao cấp, thành viên Hội đồng lý luận Trung ương, Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Khoa học Nghiên cứu Nhân tài - Nhân lực.

² GS Vũ Hy Chương, nguyên Vụ trưởng Vụ Khoa học xã hội và Tự nhiên, Bộ KH&CN, chủ nhiệm đề tài KH&CN cấp nhà nước mã số KX09.08 “Phát triển khoa học và trọng dụng nhân tài Thăng Long - Hà Nội”.